

NGUYỄN PHƯƠNG MINH (Chủ biên)

ĐOÀN NHẠM NGỌC - TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG

TUYỂN CHON GIỚI THIỆU ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

MÔN NGỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN PHƯƠNG MINH (Chủ biên)

ĐOÀN NHẠM NGỌC - TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG

TUYỂN CHON GIỚI THIỆU ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 MÔN NGỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Để đáp ứng nhu cầu ôn luyện kiến thức và rèn kĩ năng giải các đề thi môn Ngữ văn chuẩn bị cho kì thi vào lớp 10 các trường THPT, THPT chuyên của học sinh hiện nay, chúng tôi biên soạn, giới thiệu tài liệu ***Tuyển chọn, giới thiệu đề thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn***.

Tài liệu có bố cục như sau:

Phần I. Giới thiệu một số đề ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 theo cấu trúc tương đương cấu trúc đề thi THPT Quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2 năm gần đây (Đề thi THPT Quốc gia năm 2017, đề tham khảo năm 2018) và gợi ý làm bài.

Phần II. Giới thiệu một số đề thi tuyển sinh vào lớp 10 của các trường THPT, trường THPT chuyên (khối chuyên Văn, khối không chuyên Văn) từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2017 – 2018 cùng đáp án và biểu điểm.

Với mong muốn giúp học sinh có một tài liệu tham khảo tốt trong việc học tập và thi tuyển, ở phần gợi ý làm bài chúng tôi chỉ nêu lên một số ý lớn, tập trung hướng dẫn cách trả lời câu hỏi, triển khai, lập luận, phân tích. Các đề thi nhằm giúp học sinh tham khảo, thử sức làm bài theo thời gian quy định, tự đánh giá khả năng của mình và rèn luyện kĩ năng, tích lũy kiến thức. Bên cạnh việc phục vụ thi tuyển sinh vào lớp 10 cho các em học sinh, các thầy, cô giáo cũng có thể sử dụng tài liệu này để định hướng, hướng dẫn các em trong quá trình dạy học môn Ngữ văn lớp 9.

Trong quá trình biên soạn, dù đã rất cố gắng song chúng tôi cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Các tác giả mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý đồng nghiệp, các bậc phụ huynh và đồng đạo bạn đọc để tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

Chúc các em học sinh đạt kết quả tốt trong kì thi.

NHÓM TÁC GIẢ

PHẦN I

GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ ÔN THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

*...Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...*

(Lượm, Tố Hữu,

Ngữ văn 6, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 72 – 73)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 2. Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ.

Câu 3. Nêu tác dụng của phép so sánh được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 4. Em có suy nghĩ gì về nhân vật *chú bé* trong đoạn thơ?

II. LÀM VĂN

Câu 1. Từ hình ảnh *chú bé* được gọi ra trong phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về những chú bé liên lạc trong thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của dân tộc ta.

Câu 2. Về đẹp và số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua hai tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (các đoạn trích trong *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: miêu tả, biểu cảm.

Câu 2. Các từ láy trong đoạn thơ: *loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh*.

Câu 3. Tác dụng của phép so sánh được sử dụng trong đoạn thơ: phép so sánh kết hợp với các từ láy tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm nổi bật hình ảnh chú bé liên lạc nhỏ bé, nhanh nhẹn, hoạt bát, vui tươi, ngộ nghĩnh, đáng yêu như con chim chích nhảy trên đường vàng.

Câu 4. Thông điệp trong đoạn thơ có ý nghĩa nhất đối với em:

Học sinh trình bày suy nghĩ của bản thân về hình ảnh *chú bé*. Gợi ý: sự vui tươi, hồn nhiên, nhanh nhẹn, lạc quan, yêu đời,...

II. LÀM VĂN

Câu 1

a. Yêu cầu về kĩ năng

– Câu này kiểm tra năng lực viết đoạn văn nghị luận xã hội của học sinh, đòi hỏi học sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

– Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

Học sinh viết một câu mở đoạn, nhiều câu thân đoạn và một câu kết đoạn trình bày suy nghĩ về những chú bé liên lạc trong thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của dân tộc ta được gợi ra từ đoạn thơ ở phần Đọc hiểu; thể hiện suy nghĩ ấy bằng các thao tác giải thích, chứng minh, bình luận, bác bỏ hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục.

Gợi ý:

– Đoạn thơ miêu tả chú bé Lượm qua hồi tưởng, tưởng tượng; đồng thời bộc lộ cảm xúc của tác giả. Hình ảnh chú bé Lượm gợi nhớ đến những Kim Đồng, Vừ A Dính,...

– Nhân vật *chú bé* đã để lại một tình cảm đẹp trong lòng bạn đọc. Đó là một chú bé nhanh nhẹn, linh hoạt, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm, trung thành với cách mạng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

– Từ hình ảnh của những chú bé liên lạc, học sinh rút ra ý thức trách nhiệm của bản thân trong cuộc sống hiện tại.

Câu 2

a. Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích văn xuôi, nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Biết chọn lựa những chi tiết tiêu biểu để phân tích, cảm nhận về đẹp và số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua hai tác phẩm cụ thể. Kết cấu bài viết chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. Chữ viết rõ ràng, cẩn thận.

b. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về hai tác giả Nguyễn Dữ, Nguyễn Du và hai tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Truyện Kiều* (các đoạn trích trong sách giáo khoa), thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau. Khuyến khích những bài viết sáng tạo. Sau đây là một số gợi ý:

– Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận:

+ Giới thiệu vài nét về hai tác giả Nguyễn Dữ, Nguyễn Du và hai tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Truyện Kiều*.

+ Giới thiệu về đẹp và số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua hai nhân vật Vũ Nương và Thuý Kiều.

– Giới thiệu chung, có thể giới thiệu một trong các ý sau:

+ Vài nét về người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

+ Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học Việt Nam, trong hai tác phẩm.

+ ...

– Về đẹp và số phận của Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*:

+ Vũ Nương – người phụ nữ đẹp người đẹp nét: người con dâu hiếu thảo, người vợ đảm đang, thủy chung với chồng, người mẹ hiền thực, chu đáo, tận tình và rất mực yêu thương con. Mong ước duy nhất của nàng là chồng trở về bình yên vô sự, vợ chồng cùng hưởng *cái thú vui nghi gia nghi thất*.

+ Nhưng mong ước giản dị ấy trở nên quá xa vời với nàng bởi ngày chồng trở về cũng là ngày *bình rơi trâm gãy*, nỗi oan không gì gỡ rửa được vì Trương Sinh ghen tuông mù quáng, quá chuyên quyền đánh đuổi nàng. Nàng tuyệt vọng gieo mình xuống sông Hoàng Giang để chứng minh tấm lòng trong sáng, thủy chung,...

– Vẻ đẹp và số phận của Thuý Kiều trong *Truyện Kiều*:

+ Thuý Kiều là người con gái tài sắc vẹn toàn: vẻ đẹp *nghe nước nghe thành, Sắc đành đòi một tài đành họa hai, Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*,... Nàng có tâm hồn nhạy cảm, tình yêu đầu mãnh liệt, nồng nàn.

+ Thế nhưng, số phận Thuý Kiều lại bị đẩy vào bi kịch bởi các thế lực tàn bạo. *Truyện Kiều* là tiếng khóc thương cho số phận của nàng: gia biến, phải bán mình chuộc cha, tình yêu tan vỡ, trở thành món hàng của kẻ buôn thịt bán người, thân xác bị dày dụa, nhân phẩm bị chà đạp, bị Hoạn Thư ghen tuông, bị Hồ Tôn Hiến bắt hầu rượu, ép gả cho thổ quan,...

– Đánh giá chung:

+ Số phận bi thương của người phụ nữ trong các tác phẩm tiêu biểu cho nỗi khổ đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nơi con người phải chịu nhiều ràng buộc phi lí.

+ Văn học trung đại không chỉ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp toàn mỹ của người phụ nữ mà còn bày tỏ lòng cảm thương, chia sẻ, lên tiếng đòi quyền con người cho họ; đồng thời lên án, tố cáo sâu sắc xã hội phong kiến bất công, tàn bạo,...

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

... Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi. Họ hàng, làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bắt đắc dĩ nói:

– Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.

(Chuyện người con gái Nam Xương, Nguyễn Dữ, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 45)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn.

Câu 2. Nêu tác dụng của cách dùng từ xưng hô trong đoạn văn.

Câu 3. Giải thích nghĩa của cụm từ *nghi gia nghi thất* trong đoạn văn.

Câu 4. Em có suy nghĩ gì về tâm trạng của nhân vật Vũ Nương được thể hiện trong đoạn văn?

II. LÀM VĂN

Câu 1. Từ nội dung đoạn văn gợi ra ở phần Đọc hiểu, viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Câu 2. Phân tích đoạn thơ sau để làm rõ niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và niềm tự hào pha lẫn nỗi xót đau của tác giả Viễn Phương:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...*

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!*

(Viếng lăng Bác, Viễn Phương,

Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 58)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn: tự sự.

Câu 2. Từ xưng hô trong đoạn văn: *thiếp – chàng*.

Tác dụng: Cách xưng hô *thiếp – chàng* thể hiện sự trân trọng, tôn kính của người vợ dành cho chồng trong xã hội phong kiến.

Câu 3. Nghĩa của cụm từ *nghe gia nghi thất*: nên cửa nên nhà, ý nói thành vợ thành chồng, cùng gây dựng hạnh phúc gia đình.

Câu 4. Tâm trạng của nhân vật Vũ Nương được thể hiện trong đoạn văn: buồn bã, đau đớn, thất vọng, xót xa vì bị chồng không tin tưởng, nghi oan.

II. LÀM VĂN

Câu 1

a. Yêu cầu về kĩ năng

– Câu này kiểm tra năng lực viết đoạn văn nghị luận xã hội của học sinh, đòi hỏi học sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

– Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

Học sinh viết một câu mở đoạn, nhiều câu thân đoạn và một câu kết đoạn trình bày suy nghĩ về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến được gợi ra từ đoạn văn ở phần Đọc hiểu; thể hiện suy nghĩ ấy bằng các thao tác giải thích, chứng minh, bình luận, bác bỏ hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục.

Gợi ý:

– Vũ Nương và những người phụ nữ trong xã hội phong kiến là những người đẹp người đẹp nết, số phận không may mắn, bất hạnh, phụ thuộc,...

– Sống trong xã hội phong kiến, một xã hội trọng nam khinh nữ, người phụ nữ không được bình vực, bảo vệ, che chở.

– Họ bị ràng buộc bởi những hủ tục nặng nề của lễ giáo phong kiến.

– Dù bị vùi dập, bất hạnh nhưng họ luôn giữ gìn những phẩm chất tốt đẹp.

Câu 2

a. Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát; lời văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về nhà thơ Viễn Phương và bài thơ *Viếng lăng Bác*, thí sinh có thể phân tích đoạn thơ theo nhiều cách khác nhau. Khuyến khích những bài viết có sự sáng tạo. Cần làm rõ được các ý cơ bản sau:

– **Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn thơ, vấn đề cần nghị luận.**

– **Giới thiệu chung:** có thể nêu cảm hứng bao trùm trong bài thơ; mạch vận động của tâm trạng; cảm xúc của nhà thơ; nêu kết cấu bài thơ; ...

– **Nội dung:**

+ Khổ thơ đầu của đề bài: Khổ thơ được tạo nên từ hai cặp câu với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi.

. Câu 1 – 2: Câu trên là hình ảnh thực, câu dưới là hình ảnh ẩn dụ vừa nêu lên sự vĩ đại của Bác Hồ (như *mặt trời*), vừa thể hiện được sự tôn kính của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác.

. Câu 3 – 4: Câu 3 là hình ảnh thực, còn câu 4 là hình ảnh ẩn dụ đẹp và rất sáng tạo của nhà thơ, thể hiện tấm lòng thành kính của nhân dân đối với Bác.

+ Khổ thơ thứ hai của đề bài:

. Khung cảnh và không khí thanh tĩnh.

. Hình ảnh *vàng trắng dịu hiền* gợi nghĩ đến tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác.

. Hình ảnh ẩn dụ *Vẫn biết trời xanh là mãi mãi/ Mà sao nghe nhói ở trong tim!* thể hiện tâm trạng xúc động của tác giả.

– Nghệ thuật:

+ Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo, kết hợp cả hình ảnh thực, hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Đặc sắc nhất là những hình ảnh ẩn dụ – biểu tượng *trời xanh, vàng trắng* vừa quen thuộc, gần gũi với hình ảnh thực, lại vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm.

+ Giọng điệu thơ trang trọng, tha thiết phù hợp với tâm trạng và cảm xúc.

+ Lời thơ dung dị mà cô đúc, giàu cảm xúc mà lắng đọng.

– Đánh giá chung:

Đoạn thơ nói riêng và bài thơ nói chung thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người con đất Việt đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc; qua đó cảm nhận được tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác.

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

– *Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng “ba” không được sao?*

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, về nghĩ ngợi, nhấc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó lúng lúng tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào nó cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước, miệng lẩm bẩm điều gì không rõ. Con bé đảo để thật.

[...]

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung

ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

(Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng,

Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 197 – 198)

Câu 1. Tìm và gọi tên thành phần biệt lập trong đoạn văn sau: *Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, vẽ nghĩ ngợi, nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó lúnh quýnh tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào nó cũng chịu thua.*

Câu 2. Nhân vật nó được nhắc tới trong đoạn văn sau là ai, được miêu tả trong hoàn cảnh nào? *Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.*

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: *Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.*

Câu 4. Vì sao rất yêu quý ba, nhưng ở phần đầu đoạn trích, nhân vật nó lại cương quyết không gọi “ba”?

II. LÀM VĂN

Câu 1. Từ đoạn văn thứ hai ở phần Đọc hiểu, viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong cuộc đời của mỗi con người.

Câu 2. Cảm nhận của em về hình ảnh quê hương, đất nước và những tâm sự về cuộc đời qua hai bài thơ *Sang thu* (Hữu Thỉnh) và *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Thành phần biệt lập trong đoạn văn: thành phần tình thái (*chắc*).

Câu 2. Nhân vật nó được nhắc tới trong đoạn văn là bé Thu, được miêu tả trong hoàn cảnh: khi bé Thu từ nhà ngoại về nhận ba (ông Sáu), cũng là giây phút chia tay để ông Sáu trở lại chiến khu.

Câu 3. Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu:

– Biện pháp tu từ: so sánh (*như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc*).

– Tác dụng: giúp đoạn văn sinh động, khắc hoạ chân thực và có sức truyền cảm, góp phần thể hiện trạng thái xúc động mãnh liệt (yêu thương, cuồng quýt) của bé Thu trong giây phút nhận ba.

Câu 4. Dù rất yêu quý và tìm cách giữ ba ở lại, nhưng ở phần đầu của đoạn trích, nhân vật nó lại cương quyết không gọi “ba” vì:

- Ba không giống như trong bức ảnh mà nó có, vì ba có thêm vết sẹo dài trên má.
- Bé Thu dành tình yêu và sự ngưỡng mộ tuyệt đối với người ba của mình.

II. LÀM VĂN

Câu 1

a. Yêu cầu về kĩ năng

– Câu này kiểm tra năng lực viết đoạn văn nghị luận xã hội của học sinh, đòi hỏi học sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

– Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

Học sinh viết một câu mở đoạn, nhiều câu thân đoạn và một câu kết đoạn trình bày suy nghĩ về tình cảm cha con trong cuộc đời của mỗi con người được gợi ra từ đoạn văn thứ hai ở phần Đọc hiểu; thể hiện suy nghĩ ấy bằng các thao tác giải thích, chứng minh, bình luận, bác bỏ hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục.

Gợi ý:

- Tình cha con là một tình cảm thiêng liêng, cao đẹp.
- Tình cảm cha con giữa ông Sáu và bé Thu được đặt trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh, qua đó bộc lộ tính cách nhân vật. Chiến tranh có thể huỷ diệt nhiều thứ nhưng không thể làm mất đi tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cha con.
- Lí giải tình cha con là tình cảm thiêng liêng trong cuộc đời của mỗi con người.
- Trong cuộc đời, mỗi người cần vun đắp cho tình cảm gia đình, tình cha con thêm tròn đầy.
- Phê phán những người xem nhẹ, không biết trân trọng tình cảm cha con.